

KHUÔN MẪU SỬ DỤNG THỜI GIAN CHO HOẠT ĐỘNG TẠO RA THU NHẬP CỦA NGƯỜI CAO TUỔI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHAN THUẬN*

Khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động tạo thu nhập là một trong những chiều cạnh của cuộc sống người cao tuổi. Từ kết quả phân tích thực trạng công việc của 399 người độ tuổi từ 60 đến 75 còn tham gia hoạt động kinh tế (đa số tự buôn bán/kinh doanh, hoạt động lao động được trả lương và tự sản xuất nông nghiệp), với thời gian trung bình khoảng 385 phút/ngày vào ngày hôm qua và 362 phút/ngày vào ngày cuối tuần, bài viết gợi ý một số kiến nghị hàm ý chính sách chăm sóc người cao tuổi để hướng đến thực hiện mục tiêu già hóa thành công.

Từ khóa: khuôn mẫu sử dụng thời gian, hoạt động tạo thu nhập, sự hài lòng, người cao tuổi

Nhận bài ngày: 23/01/2022; đưa vào biên tập: 28/01/2022; phản biện: 02/3/2022; duyệt đăng: 10/4/2022

1. DẪN NHẬP

Thực trạng già hóa dân số đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống kinh tế của người cao tuổi (NCT)⁽¹⁾ và buộc nhiều người trong số họ tiếp tục bươn chải để mưu sinh. Đối với nhiều NCT “tuổi nghỉ hưu không phải là tuổi để nghỉ ngơi khi mà họ chưa thể kiếm đủ tiền lo cho cuộc sống” (Nguyễn Trung Hải, 2020). Việc tham gia lao động cũng giúp họ duy trì sức khỏe, các mối quan hệ xã hội, giải trí, cảm nhận giá trị hữu ích của bản thân, nhưng về cơ bản là bắt nguồn từ lý do kinh tế, nghĩa là để giảm bớt sự phụ thuộc vào người thân (Ngân hàng Thế giới,

2016); có việc làm sẽ giúp cho NCT chủ động về thu nhập và tích lũy, không phụ thuộc hay trở thành gánh nặng cho con cái (Phan Thuận, 2020a).

Thành phố Cần Thơ là một trong những trung tâm phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Cửu Long. Biến đổi cấu trúc tuổi dân số thành phố Cần Thơ theo hướng già hóa, tỷ trọng dân số 60 tuổi trở lên (60+) tăng từ 7,76% năm 2009 lên 11,98% vào năm 2019 (Tổng cục Thống kê, 2020). NCT ở thành phố Cần Thơ vẫn còn đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương: có 1.362 NCT làm chủ sản xuất kinh doanh có giấy phép đăng ký, trong đó có 776 người đạt danh hiệu “Người

* Học viện Chính trị Khu vực IV.

cao tuổi làm kinh tế giỏi” (Ban Đại diện Người cao tuổi thành phố Cần Thơ, 2020).

Người cao tuổi ở thành phố Cần Thơ vẫn tham gia vào hoạt động tạo ra thu nhập. Tuy nhiên, nghiên cứu thực trạng khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập của NCT và các yếu tố ảnh hưởng đến khuôn mẫu này ở Việt Nam nói chung, thành phố Cần Thơ nói riêng vẫn còn nhiều “khoảng trống”. Bài viết bổ sung phần nào những nhận thức cụ thể về vấn đề này, đồng thời đưa ra các đề xuất hàm ý chính sách để NCT có cuộc sống viên mãn ở tuổi già.

2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP, XỬ LÝ DỮ LIỆU

Một số nghiên cứu về thời gian làm việc của người cao tuổi

Theo Hill (1985: 133), “khuôn mẫu sử dụng thời gian” được hiểu là “tổng số lượng thời gian được sử dụng cho nhiều hoạt động và sự biến đổi sử dụng thời gian thông qua ba chiều cạnh khác nhau như đặc trưng nhân khẩu, đặc trưng vùng miền theo địa lý và không gian và đặc trưng theo mùa trong năm”. Tương tự, theo Gauthier và Smeeding (2000), “khuôn mẫu sử dụng thời gian” là “cách con người ta sử dụng thời gian khi họ còn tham gia vào lực lượng lao động hoặc nghỉ hưu vào các hoạt động được trả lương, làm việc nhà, hoạt động nhàn rỗi...”. Như vậy, khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập là

khoảng thời gian dành cho hoạt động tạo ra thu nhập hàng ngày.

Hoạt động sản xuất là một trong những hoạt động cơ bản trong khuôn mẫu sử dụng thời gian của NCT (Mckinnon, 1992; Horgas và cộng sự, 1998; Gauthier & Smeeding, 2003 và 2010; Kent & Stewart, 2007; Grapsa & Possel, 2016). Theo Gauthier và Smeeding (2003 và 2010) và Mckinnon (1992), hoạt động lao động có hai nhóm (1) hoạt động tạo ra thu nhập; (2) hoạt động không được trả lương bao gồm chăm sóc con cái và trách nhiệm của công dân.

Theo Quỹ Dân số Liên Hợp quốc (UNFPA) năm 2011, NCT là những người có độ tuổi từ 60 trở lên. Nghiên cứu của Mckinnon (1992) cho thấy có 6,9% NCT ở Canada tham gia hoạt động được trả lương và dành 3,1 giờ/ngày cho hoạt động tự sản xuất, trong đó chỉ dành 0,4 giờ cho hoạt động tạo ra thu nhập. Nghiên cứu của Piekkola (2004) cho thấy, nhóm dân số cao tuổi ở 13 nước Châu Âu thường sử dụng khoảng 6-7 giờ/ngày cho hoạt động tạo ra thu nhập, trong đó NCT ở Hungary và Slovenia dành thời gian cho hoạt động này là nhiều nhất. Ở Thái Lan, NCT dành thời gian cho công việc tạo thu nhập trung bình 3,17 giờ/ngày (Punyakaew và cộng sự, 2019). Trong khi đó, một nghiên cứu ở Nam Phi cho thấy, NCT chỉ dành có 90 phút để làm việc (Grapsa và Posel, 2016). Nghiên cứu của Gauthier và Smeeding (2000) cho rằng, NCT cũng dành thời gian cho

hoạt động tạo thu nhập nhưng nó còn phụ thuộc tình trạng việc làm của họ: thời gian dành cho hoạt động trả lương của việc toàn thời gian ở các quốc gia như Úc, Canada, Phần Lan, Ý, Mỹ và Thụy Điển ở người từ 55-64 tuổi khoảng 5,5 giờ/ngày; trong khi đó thời gian làm việc bán thời gian ở độ tuổi này chỉ trung bình khoảng 3,4 giờ/ngày.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu cho thấy, một bộ phận NCT vẫn phải bươn chải mưu sinh (Bế Quỳnh Nga, 2001; VNCA và UNFPA, 2019, Phan Thuận, 2020b). Nghiên cứu của VNCA và UNFPA (2019) chỉ ra rằng, có 47,4% nam giới cao tuổi và 36,5% nữ giới cao tuổi vẫn làm các công việc có thu nhập, trong số đó 54,5% làm công việc giản đơn. Có 90% NCT tự sản xuất kinh doanh và làm việc nhà. Cũng theo VNCA và UNFPA (2019) cho thấy, tỷ lệ NCT tham gia lực lượng lao động giảm dần theo tuổi: 59% đối với nhóm 60-69 tuổi và 41% đối với nhóm 70+ tuổi. Đa số những người này có sức khỏe tốt và chưa từng thụ hưởng chính sách xã hội (như lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, hay các khoản trợ cấp xã hội khác). Về thời gian, đa số NCT tham gia hoạt động kinh tế đều làm công việc bán thời gian bởi nó phù hợp với sức khỏe của họ (Trần Thị Minh Thi, Nguyễn Hà Đông, 2020). Và có sự khác biệt giới trong tham gia hoạt động kinh tế, phụ nữ ít tham gia hoạt động này hơn so với nam giới (Đặng Thanh Nhân, 2020).

Như vậy, các nghiên cứu trong và ngoài nước đã phản ánh thực trạng NCT vẫn còn tham gia vào hoạt động tạo ra thu nhập. Đây là cơ sở để phân tích khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động tạo thu nhập của NCT ở thành phố Cần Thơ và góp phần bổ sung “khoảng trống” trong lĩnh vực nghiên cứu về chân dung NCT.

Phương pháp nghiên cứu

Quỹ thời gian (Time budget) được xem là nhật ký hoạt động của con người theo một trình tự hoặc thời lượng nhất định trong khoảng thời gian cụ thể, thông thường là 24 giờ/ngày (Encyclopedia.com). Quỹ thời gian như công cụ nghiên cứu đã được sử dụng trong các nghiên cứu về lối sống, xã hội học giải trí và các nghiên cứu về già hóa và những chiều cạnh khác trong cuộc sống. Thu thập dữ liệu quỹ thời gian có hệ thống là một hoạt động mang tính tương đối và điều này cung cấp tài liệu quan trọng để nghiên cứu liên quan tính lâu dài của chất lượng cuộc sống như phân bổ thời gian giữa công việc và giải trí (De grazia và cộng sự, 1962) và vai trò của cấp độ hệ thống đầu vào của công việc trong phát triển kinh tế (Encyclopedia.com).

Khi phân tích nhật ký thời gian, điều quan trọng là phải đảm bảo các hoạt động diễn ra đủ 24 giờ hay 1.440 phút/ngày (Fricke & Unsworth, 2001). Szalai và cộng sự (1972) đã đề xuất nên nghiên cứu duy nhất một ngày 24 giờ bằng cách sử dụng cuộc phỏng vấn ‘ngày hôm qua’ cho những người

không thể quản lý nhật ký thời gian và khuyến nghị hoàn thành nhật ký thời gian cho những người có thể quản lý. Moss và Lawton (1982) cũng sử dụng các cuộc phỏng vấn để kể lại các hoạt động của 24 giờ trước đó. Theo McKinnon (1992), bắt đầu tính vào thời gian cho một ngày khi phỏng vấn là vào lúc 5 giờ sáng.

Trên cơ sở vận dụng các nghiên cứu trên, và vì đa số NCT không thể quản lý được thời gian của mình, ở nghiên cứu này, chúng tôi thiết kế bản hỏi theo dạng nhật ký ghi thời gian của ngày hôm qua và ngày cuối tuần trước khi phỏng vấn. Lý do là: Thời gian bắt đầu của các hoạt động trong đời sống hàng ngày của NCT được xác định là từ lúc NCT thức dậy và kết thúc khi đi ngủ. Kết quả khảo sát ở thành phố Cần Thơ, NCT bắt đầu một ngày vào khoảng 4 - 4,30 giờ sáng và kết thúc khoảng 20-21 giờ tối, tùy thuộc vào ngày trong tuần hay cuối tuần.

Để đánh giá thực trạng khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động tạo thu nhập của NCT ở thành phố Cần Thơ, nghiên cứu thực hiện thu thập thông tin bằng bản hỏi và phỏng vấn sâu. Cuộc khảo sát được diễn ra trong quý 1 của năm 2021. Đối tượng khảo sát là 399 NCT từ 60-75 tuổi ở 6 quận, huyện thành phố Cần Thơ: Cái Răng, Bình Thủy, Phong Điền, Ninh Kiều, Thới Lai và Vĩnh Thạnh, được lựa chọn trên cơ sở nhóm tổng thể NCT (ước tính sai số cho phép là 5%) để phỏng vấn bằng bản hỏi.

Các tiêu chí để chọn mẫu nghiên cứu gồm: giới tính, nhóm tuổi, khu vực sống, tỷ trọng NCT ở các địa phương. Nhóm NCT từ 60-75 được lựa chọn nghiên cứu là do: 1) nhóm tuổi này còn có khả năng tham gia nhiều hoạt động trong đời sống xã hội và các hoạt động của họ khá đa dạng; 2) nhóm tuổi này vẫn còn minh mẫn để tham gia phỏng vấn của nghiên cứu; 3) do nguồn lực của nghiên cứu còn hạn chế cho nên không thể mở rộng khách thể ở các nhóm tuổi từ 75 tuổi trở lên.

Độ tuổi trung bình của NCT được khảo sát là 66,4 tuổi; trong đó, nhóm tuổi từ 60-64 chiếm 36,1%; 65-69 tuổi chiếm 37,3% và từ 70-75 tuổi chiếm 26,6%. Có 68,4% NCT được khảo sát sống ở thành thị và 31,6% sống ở nông thôn; nam giới chiếm 44,9%, nữ giới chiếm 55,1%; 58,4% NCT đánh giá mức sống của họ thuộc nhóm trung bình, 27,1% thuộc nhóm khá giả trở lên và 14,5% thuộc nhóm cận nghèo trở xuống.

Ngoài ra, nghiên cứu còn chọn 15 người trong nhóm NCT khảo sát bằng bản hỏi để thực hiện phỏng vấn sâu, thời gian phỏng vấn sâu dao động từ 45- 60 phút/cuộc.

Nghiên cứu cũng tổng hợp và phân tích nguồn tư liệu thứ cấp như các nghiên cứu đi trước, các thống kê, báo cáo ở địa phương.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động tạo thu nhập của NCT thành phố Cần Thơ

UNFPA (2011: 31) chia loại công việc của NCT thành 3 nhóm: (1) có tiền công, tiền lương; (2) tự làm nông nghiệp, thủy sản và (3) tự sản xuất, kinh doanh buôn bán. Phần lớn NCT tham gia sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp (trên 60%), tiếp đó là tự làm việc kinh doanh hoặc dịch vụ cho hộ gia đình (UNFPA, 2011:30). Một số nghiên cứu quốc tế cũng xác định hoạt động kiếm tiền của NCT thường là những công việc được trả lương từ người sử dụng lao động, hoặc công việc gia đình được trả lương (Tức là làm việc nhà được người thân trong gia đình trả lương) (Mckinnon, 1992; Horgas và cộng sự, 1998); Gauthier và Smeeding, 2003 và 2010; Kent và Stewart, 2007; Grapsa và Possel, 2016). Trên cơ sở này, nghiên cứu đã xây dựng nhật ký của NCT bao gồm 3 hoạt động: (1) hoạt động kiếm tiền được trả lương như làm thuê, giảng dạy, bảo vệ, làm ruộng/vườn... (2) hoạt động tự kinh doanh hoặc buôn bán và (3) hoạt động tự sản xuất nông nghiệp.

Kết quả phân tích thực trạng công việc NCT thành phố Cần Thơ của chúng tôi cho thấy, có 41,6% NCT còn tham gia vào các hoạt động kinh tế. Trong đó, 44% NCT tham gia hoạt động tự buôn bán/kinh doanh vào ngày hôm qua, cao hơn 2,4% so với những ngày cuối tuần. Tiếp đến là các hoạt động được trả lương như làm bảo vệ, giảng dạy... (19,3% vào ngày hôm qua và 9,6% vào ngày cuối tuần; và hoạt động tự sản xuất nông nghiệp

(chăn nuôi, làm ruộng/vườn...) (9,6% vào ngày hôm qua và 1,8% vào ngày cuối tuần) (xem Bảng 1).

Bảng 1. Tỷ lệ người cao tuổi tham gia các hoạt động tạo ra thu nhập (%)

	Hôm qua (166)	Cuối tuần (166)
Hoạt động tự sản xuất nông nghiệp	6,0	1,8
Hoạt động lao động được trả lương	19,3	9,6
Hoạt động tự buôn bán/kinh doanh	44,0	41,6

Nguồn: Tác giả khảo sát năm 2021.

Điều này có thể được lý giải do hoạt động tự buôn bán/kinh doanh là loại hình công việc mà nhiều NCT ở thành phố Cần Thơ lựa chọn vì một mặt nó phù hợp sức khỏe và tuổi tác; mặt khác là do tính chất đô thị của thành phố. Tỷ lệ NCT tham gia hoạt động buôn bán cuối tuần vẫn duy trì cao là do tính chất của một số hoạt động buôn bán diễn ra sôi nổi vào những ngày cuối tuần. Tỷ lệ NCT tham gia hoạt động được trả lương vào ngày cuối tuần giảm là do có một số công việc làm theo giờ hành chính được nghỉ cuối tuần hoặc làm theo ca.

Bảng 2 cho thấy, có 121/166 tổng số NCT còn tham gia hoạt động kinh tế đã phân bổ quỹ thời gian vào hoạt động tạo ra thu nhập và 97/166 trường hợp có phân bổ quỹ thời gian cho hoạt động này vào ngày cuối tuần. Điều này được lý giải rằng, có một bộ phận NCT tham gia khảo sát cho rằng họ không tham gia làm việc là do tình

Bảng 2. Thời gian trung bình người cao tuổi tham gia hoạt động tạo ra thu nhập (phút/ngày)

	Hôm qua (N=166)			Cuối tuần (N=166)		
	Số lượng người	Thời gian trung bình	Độ lệch chuẩn	Số lượng người	Thời gian trung bình	Độ lệch chuẩn
	121	385,45	120,15	97	362,68	123,39
+ Hoạt động lao động được trả lương	31	413,31	104,41	18	392,22	114,41
+ Tự buôn bán/kinh doanh	80	380,88	125,85	76	359,21	124,54
+Hoạt động tự sản xuất nông nghiệp	10	294,00	117,40	3	273,33	132,79

Nguồn: Tác giả khảo sát năm 2021.

hình dịch bệnh COVID-19 cho nên nơi làm việc của họ đóng cửa hoặc việc làm của họ không ổn định. Thời gian trung bình mà NCT dùng vào hoạt động kinh tế là 385,45 phút/ngày, tương đương với hơn 6,3 giờ/ngày vào ngày hôm qua và 362,68 phút/ngày, tương đương với 6 giờ/ngày vào ngày cuối tuần. Trong đó, hoạt động lao động được trả lương và tự buôn bán/kinh doanh dành thời gian làm việc nhiều nhất cả vào ngày hôm qua và cuối tuần. Rõ ràng, NCT tuy đã qua độ tuổi lao động nhưng họ vẫn tiếp tục tham gia các hoạt động tạo thu nhập với một khoảng thời gian khá nhiều, gần như tương đương với người trong độ tuổi lao động.

Các dữ liệu cho thấy, đa số NCT thừa nhận công việc buôn bán phù hợp sức khỏe của họ. Tuy nhiên, NCT thường có khó khăn khác nhau khi buôn bán/kinh doanh, người thì thiếu vốn, người thì không có người hỗ trợ lấy hàng để bán... Trong khi đó, NCT không có gì ngoài sức khỏe thì họ lựa

chọn mưu sinh bằng bán vé số, làm bảo vệ... Nhìn chung, mỗi người mỗi hoàn cảnh nhưng họ phải tự lựa chọn loại hình công việc phù hợp với khả năng.

H: Sao Cô không buôn bán gì cho đỡ cực mà bán vé số?

Đ: Cô cũng muốn lắm chứ, nhưng đâu có tiền để làm mấy cái đó.

H: Thu nhập từ việc bán vé số có ổn định không?

Đ: Tùy theo bữa, hôm nào bán hết thì được lời 150.000 đồng. Còn bữa nào bán không hết thì kiếm ít hơn. Làm việc này cũng hên xui lắm.

(PVS, Nữ, 65 tuổi, bán vé số, thành thị, quận Ninh Kiều).

Ngoài ra, dữ liệu cho thấy, đại dịch COVID-19 cũng có ảnh hưởng đến việc NCT sử dụng thời gian vào hoạt động tạo thu nhập. Các công việc bị ảnh hưởng thường là phục vụ quán ăn, kinh doanh hàng hóa không thiết yếu. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến thời gian tham gia hoạt động tạo thu nhập mà còn có cả thu nhập.

Bà Thảo (tên nhân vật đã thay đổi) cho biết: “Cô phục vụ quán ăn buffer ở Bà Còi được 2 năm rồi, công việc ổn định nhưng do dịch bệnh nên quán hoạt động không như trước. Lúc mở lúc không. Khi mở thì người ta gọi đến làm, còn đóng cửa thì ở nhà. Mà ở nhà đâu có làm gì đâu” (PVS, Nữ, 61 tuổi, phục vụ quán ăn, thành thị, quận Ninh Kiều).

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động tạo thu nhập của NCT

Các nghiên cứu trước đây (Kent và Stewart, 2007; Stobert và cộng sự, 2005; Sniadek và Zajadacz, 2010; Arriagada, 2018; Phan Thuận, 2020a & 2020b) đã chỉ ra nhiều yếu tố nhân khẩu có tác động đến khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động tạo ra

thu nhập như giới tính, tuổi tác, mức sống... Với bối cảnh nghiên cứu là thành phố Cần Thơ, các yếu tố nào ảnh hưởng đến khuôn mẫu sử dụng thời gian tạo thu nhập của NCT? Để trả lời câu hỏi này, chúng tôi tập trung phân tích kiểm định mối quan hệ giữa các đặc trưng nhân khẩu của NCT với sử dụng thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập đối với nhóm NCT còn tham gia hoạt động kinh tế. Kết quả như sau:

Xét ở chiều cạnh giới tính, bằng phương pháp kiểm định T-Test cho thấy, trung bình mỗi nữ giới cao tuổi có 292,2 phút/ngày so với 243,06 của nam giới cao tuổi để tham gia hoạt động tạo ra thu nhập và thời gian này của cả hai giới đều giảm xuống vào ngày cuối tuần (196,96 phút của nữ và

Bảng 3. Mô tả sử dụng thời gian của NCT trong hoạt động tạo thu nhập theo các đặc trưng nhân khẩu học (phút)

Đặc điểm		Hôm qua (N=166)			Cuối tuần (N=166)		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	P	Trung bình	Độ lệch chuẩn	P
Giới tính	Nữ	292,22	190,98	0.015	196,96	203,07	0.041
	Nam	243,06	219,14		195,00	207,01	
Nhóm tuổi	Từ 60-64 tuổi (1)	274,74	201,27	0.010 (1)>(3) (2)>(3)	202,76	212,63	0.903
	Từ 65-69 tuổi (2)	232,86	201,19		193,41	201,10	
	Từ 70-75 tuổi (3)	161,85	207,59		182,78	195,38	
Học vấn	Tiểu học và chưa đi học (1)	274,81	211,01	0.000 (1)>(4) (2)>(4) (3)>(4)	225,56	197,87	0.000 (2)<(3) (2)>(4)
	Cấp 2 (2)	350,49	182,84		287,32	194,22	
	Cấp 3 (3)	297,86	183,73		143,57	208,70	
	Từ trung cấp trở lên (4)	156,59	196,72		110,98	180,27	

Nguồn: Tác giả khảo sát năm 2021.

195,0 phút của nam). Sự chênh lệch này không đáng kể nhưng vẫn có ý nghĩa về thống kê, đặc biệt là ngày cuối tuần (xem Bảng 3). Điều này cho thấy, có sự khác biệt giới về thời gian tham gia hoạt động tạo ra thu nhập, nữ giới cao tuổi dành nhiều thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập hơn nam giới cao tuổi. Nghiên cứu VNCA và UNFPA (2019) đã khẳng định nam giới cao tuổi tham gia hoạt động tạo ra thu nhập nhiều hơn nữ; trong khi đó, phát hiện ở thành phố Cần Thơ đã cho thấy thời gian dành cho hoạt động tạo ra thu nhập của nữ giới cao tuổi nhiều hơn so với nam giới. Sở dĩ là vì, các nghiên cứu trước đây phát hiện đa số NCT tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp, thủy sản mà các loại công việc này đòi hỏi có sức khỏe, cơ bắp cho nên nam giới cao tuổi tham gia nhiều là hợp lý. Trong khi đó, nghiên cứu ở bối cảnh thành phố Cần Thơ cho thấy, buôn bán là loại công việc chiếm đa số mà loại công việc này cũng rất “ưa chuộng” nữ giới cao tuổi. Vì thế, thời gian nữ giới cao tuổi tham gia hoạt động kinh tế ở thành phố này nhiều hơn nam giới cao tuổi. Đồng thời, trong bối cảnh cấu trúc tuổi dân số chuyển đổi nhanh, nữ hóa dân số cao tuổi là một đặc trưng của quá trình này (UNFPA, 2011). Nữ giới cao tuổi nhiều hơn nam giới cho nên nữ tham gia nhiều vào hoạt động tạo ra thu nhập cũng là điều dễ hiểu.

Xét ở chiều cạnh nhóm tuổi, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, NCT càng

nhiều tuổi thì càng ít tham gia hoạt động tạo ra thu nhập (VNCA và UNFPA, 2019; Phan Thuận, 2020a). Điều này tiếp tục được khẳng định bởi nghiên cứu này với bối cảnh thành phố Cần Thơ. Bằng phương pháp kiểm định Pearson Correlation cho thấy, giá trị $r = -0,26$, $\text{sig} = 0,000 < 0,05$. Có nghĩa là mối quan hệ giữa biến số tuổi với thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập là mối quan hệ nghịch, tuổi càng cao thì thời gian dành cho hoạt động tạo ra thu nhập càng giảm và xác suất xảy ra mối quan hệ này chiếm 26,0%. Phân tích kiểm định chuyên sâu Anova cho thấy, sử dụng thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập của NCT có khác nhau ở các nhóm tuổi, cụ thể nhóm tuổi 70-75 khác với nhóm tuổi 60-64 và 65-69; không tìm thấy sự khác biệt giữa nhóm tuổi 60-64 và 65-69. Sự khác biệt này cũng được thể hiện ở Bảng 3, NCT ở nhóm tuổi từ 60-64 có thời gian trung bình dành cho hoạt động tạo ra thu nhập vào ngày trung bình là khoảng 274,74 phút/ngày, giảm xuống 232,86 phút/ngày ở nhóm tuổi từ 65-69 và giảm xuống còn 161,85 phút/ ngày giờ/ngày ở nhóm tuổi 70-75. Xu hướng này cũng được lặp lại trong những ngày cuối tuần (xem Bảng 3).

Như vậy, các bằng chứng kiểm định đã cung cấp cơ sở để khẳng định rằng, con người ở tuổi càng cao thì càng ít tham gia hoạt động tạo ra thu nhập. Điều này một mặt do tuổi tác luôn đi ngược lại với tình trạng sức

khỏe (Dương Huy Lương, 2010), mặt khác, do sự phân biệt đối xử tuổi trong thị trường lao động cho nên nhóm NCT vẫn còn sức khỏe tốt nhưng ít có cơ hội tham gia thị trường lao động (Government Office for Science, 2016: 34).

Xét ở chiều cạnh trình độ học vấn, bằng phương pháp phân tích Anova cho thấy, có sự khác biệt giữa trình độ học vấn với sử dụng thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập vào ngày trong tuần và cuối tuần. Trong đó, nhóm học vấn từ trung cấp trở lên có khác biệt với các nhóm học còn lại. Điều này cho thấy, NCT ở các nhóm học vấn khác nhau thì sử dụng thời gian cho hoạt động tạo thu nhập khác nhau. Sự khác biệt này cũng thể hiện ở Bảng 3, NCT có học vấn từ trung cấp trở lên thì ít dành thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập; còn nhóm NCT có học vấn thấp hơn thì dành nhiều thời gian hơn cho hoạt động có thu nhập. Có thể lý giải điều này là do NCT có học vấn cao khi còn ở độ tuổi lao động họ thường làm việc ở những cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, đến khi về hưu, họ có một khoản thu nhập ổn định bằng lương hưu nên không phải tiếp tục bươn chải. Trong khi đó, người làm công việc giản đơn trước đây thì vẫn tiếp tục làm việc sau độ tuổi lao động vì không có lương hưu hoặc tiền tiết kiệm. Hơn nữa, NCT có trình độ học vấn cao ít tham gia những công việc giản đơn như bảo vệ, làm thuê sau khi hết tuổi lao động... Nếu có thì họ thường làm các công

việc mang tính chất học thuật như giảng dạy, nghiên cứu. “Chú nghĩ những người có trình độ học vấn cao, đặc biệt là những người có chức vụ sau khi về hưu thì ít ai làm những công việc giản đơn lắm. Còn những người ít học hơn thì sẵn sàng làm công việc như bảo vệ, phục vụ...” (PVS, Nam, 61 tuổi, Cán bộ hưu trí, quận Bình Thủy). Như vậy, trình độ học vấn có ảnh hưởng đến sự phân bổ thời gian của NCT cho hoạt động tạo thu nhập. Trình độ học vấn càng cao thì NCT càng ít dành thời gian cho hoạt động tạo thu nhập.

Xét ở chiều cạnh mức sống, phân tích tương quan chéo cho thấy, NCT có mức sống cận nghèo trở xuống thì tham gia hoạt động lao động được trả lương vào ngày trong tuần chiếm 40,0% so với 17,2% của NCT có mức sống khá hơn; tỷ lệ này lần lượt ở hoạt động buôn bán là 46,7% so với 43,7% và hoạt động sản xuất nông nghiệp là 6,7% so với 6,0%. Tỷ lệ tham gia hoạt động lao động được trả lương của NCT có mức sống cận nghèo trở xuống vào ngày cuối tuần là 33,3% so với 7,3% của NCT có mức sống khá hơn; tỷ lệ này ở hoạt động buôn bán là 41,7% so với 40,0% và hoạt động sản xuất nông nghiệp là 6,7% so với 1,3%. Thời gian dành cho hoạt động kinh tế của NCT có mức sống cận nghèo trở xuống cao gấp 1,5 lần so với NCT có mức sống khá hơn vào ngày trong tuần và điều này cũng diễn ra tương tự vào ngày cuối tuần (xem Bảng 4).

Bảng 4. Khuôn mẫu sử dụng thời gian theo mức sống của người cao tuổi (phút)

Mức sống	Hôm qua (N=166)			Cuối tuần (N=166)		
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	P	Trung bình	Độ lệch chuẩn	P
Khả giả trở lên (1)	231,73	198,29	<i>Robust Test</i> 0.006 (3)>(2) (3)>(1)	182,79	196,41	0.043
Trung bình (2)	266,97	213,20		183,79	203,38	(3)>(2) (3)>(1)
Cận nghèo trở xuống (3)	390,00	146,53		322,00	209,77	

Nguồn: Tác giả khảo sát năm 2021.

Điều này cho thấy, NCT có mức sống khá hơn thường dành thời gian nghỉ ngơi vào cuối tuần; trong khi đó, NCT có mức sống thấp hơn phải bận chải suốt cả tuần, không phân biệt ngày trong tuần hoặc cuối tuần. Có thể nói, NCT có mức sống khó khăn vẫn phải dành nhiều thời gian tạo ra thu nhập cho bản thân, bởi theo họ “nếu không làm thì lấy tiền đâu ăn mà ăn” (PVS, Nam, 61 tuổi, bảo vệ, thành thị, quận Cái Răng).

Xét ở chiều cạnh thu xếp cuộc sống, kết quả khảo sát cho thấy, trong hoạt động tự sản xuất nông nghiệp có 3,2% NCT ở một mình và 2,5% NCT không sống một mình tham gia; hoạt động lao động được trả lương có 12,9% NCT sống một mình và 8,4%

NCT không sống một mình tham gia; hoạt động tự buôn bán/kinh doanh có 35,5% NCT sống một mình và 19,1% của NCT không sống một mình tham gia. Kết quả này cho thấy, ở cả ba hoạt động kinh tế trên, tỷ lệ tham gia của NCT sống một mình đều cao hơn NCT không sống một mình.

Bảng 5 cho thấy có sự khác biệt giữa NCT sống một mình và không sống một mình về sử dụng thời gian cho hoạt động tạo thu nhập. Trong đó, sự chênh lệch này vào ngày hôm qua là 140 phút/ngày và ngày cuối tuần 107 phút/ngày. Xu hướng khác biệt này chỉ có ý nghĩa vào ngày trong tuần và cuối tuần. Điều này cho thấy, NCT sống một mình thường phải bận

Bảng 5. Khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập theo thu xếp cuộc sống của người cao tuổi (phút)

		Hôm qua (N=166)			Cuối tuần (N=166)		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	P	Trung bình	Độ lệch chuẩn	P
Sống một mình	Không	254,44	210,35	0.012	186,29	204,31	0.049
	Có	394,00	103,22		293,33	185,46	

Nguồn: Tác giả khảo sát năm 2021.

Bảng 6. Khuôn mẫu sử dụng thời gian tạo ra thu nhập theo nguồn thu nhập của người cao tuổi (phút)

		Hôm qua (N=166)			Cuối tuần (N=166)		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	P	Trung bình	Độ lệch chuẩn	P
Lương hưu	Không	313,69	195,71	0.000	234,75	202,86	0.000
	Có	137,78	181,48		88,41	168,92	
Con cháu trợ cấp	Không	294,51	206,24	0.030	214,31	210,10	0.145
	Có	223,28	201,45		166,72	193,20	

Nguồn: Tác giả khảo sát năm 2021.

chải nhiều hơn, lý do là khi sống một mình họ phải tự lo cho cuộc sống của mình. Trong bối cảnh già hóa dân số, tỷ lệ NCT sống đơn thân ngày càng nhiều (Phan Thuận, 2020b) cho nên nguy cơ tổn thương do tác động của cú sốc thu nhập càng cao.

Xét ở chiều cạnh nguồn thu nhập, nghiên cứu cho thấy, có 6,6% NCT không có lương hưu đã tham gia hoạt động tự sản xuất nông nghiệp vào ngày hôm qua so với 5,4% của NCT có lương hưu; tỷ lệ này vào ngày cuối tuần lần lượt là 11,0% và 0%. Người cao tuổi không có lương hưu tham gia hoạt động lao động được trả lương (làm thuê, giảng dạy...) chiếm 20,5% so với 15,9% của người có lương hưu vào ngày hôm qua, và tỷ lệ này vào ngày cuối tuần là 25,0% so với 12,0%. Tham gia hoạt động buôn bán của NCT không có lương hưu chiếm 50,5% so với 25,0% của NCT có lương hưu vào ngày hôm qua; tỷ lệ của ngày cuối tuần 60,0% so với 27%. Bảng 6 cho thấy, nhóm NCT không có lương hưu dành thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập cao gần gấp 3

lần so với nhóm NCT có lương hưu; nhóm NCT không có con cháu hỗ trợ tham gia hoạt động tạo ra thu nhập cao hơn so với nhóm NCT có con cháu hỗ trợ.

Điều này cho thấy, NCT không có lương hưu và không có con cháu hỗ trợ buộc họ phải bươn chải cuộc sống mưu sinh. Cho nên thời gian cuộc sống hàng ngày của họ phải dành cho hoạt động kiếm sống và điều này diễn ra với những NCT còn tham gia hoạt động kinh tế cả ngày trong tuần và cuối tuần. Các bằng chứng này là cơ sở để gợi ý các biện pháp hỗ trợ NCT nhằm cải thiện chất lượng của tuổi già trong bối cảnh già hóa dân số của thành phố Cần Thơ.

4. MỘT SỐ BÀN LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu trên cho thấy, NCT ở thành phố Cần Thơ đã phân bổ khoảng 1/4 thời gian của một ngày cho hoạt động tạo ra thu nhập. Các nghiên cứu quốc tế cho thấy, NCT đã sử dụng thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập dao động từ 1,5 giờ - 7,1

giờ/ngày, tùy theo nhóm tuổi và quốc gia (Gauthier và Smeeding, 2000; Piekkola, 2004; Grapsa và Possel, 2016; Punyakaew và cộng sự, 2019; Ziqi Zhang và cộng sự, 2020). Đối chiếu với các nghiên cứu trước đó, thời gian dành cho hoạt động tạo ra thu nhập của NCT thành phố nằm trong khoảng thời gian mà các nghiên cứu trước đã chỉ ra.

Thời gian dành cho hoạt động này còn phụ thuộc vào từng hoạt động cụ thể, trong đó hoạt động lao động được trả lương chiếm thời gian nhiều nhất. Rõ ràng, một bộ phận NCT vẫn còn đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, góp phần giảm gánh nặng cho gia đình và xã hội. Thời gian dành cho hoạt động tạo ra thu nhập có sự khác nhau về giới tính, tuổi tác và nguồn sinh kế. Mặc dù vậy, nhiều NCT dành cho hoạt động mưu sinh với một thời lượng khá nhiều trong quỹ thời gian, họ vẫn làm việc với thời gian gần như những lao động trong độ tuổi lao động mà đáng lẽ ra họ phải hưởng thụ cuộc sống ở tuổi già. Điều này cho thấy, NCT ở thành phố Cần Thơ vẫn còn đối diện với áp lực của cuộc sống mưu sinh. Tình trạng này sẽ tăng lên khi cấu trúc dân số của thành phố chuyển đổi nhanh theo xu hướng già hóa dân số, nếu chính quyền không có biện pháp hỗ trợ kịp thời.

Các yếu tố tác động đến khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động này gồm giới tính, tuổi, trình độ học vấn, thu xếp cuộc sống và hoạt động sinh

kế. Nữ giới cao tuổi dành nhiều thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập hơn nam giới cao tuổi. Tuổi càng cao thì càng ít dành thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập. Nhóm NCT sống một mình có xu hướng dành nhiều thời gian cho hoạt động này hơn nhóm NCT khác, bởi lẽ NCT sống đơn thân một mặt phải tự vận động, mặt khác, còn là cách sử dụng thời gian nhằm giảm bớt sự cô đơn. Nhóm NCT có học vấn cấp 3 trở lên có xu hướng dành ít thời gian thời gian tạo ra thu nhập hơn so với các nhóm học vấn khác. Người cao tuổi dành nhiều thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập thường là những người không có nguồn tài chính ổn định như không có lương hưu; không có nguồn hỗ trợ từ con cháu. Người cao tuổi có mức sống càng cao thì càng ít sử dụng thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập.

Từ kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị hàm ý chính sách chăm sóc NCT:

Thứ nhất, chuẩn bị đầy đủ tài chính và sức khỏe cho tuổi già. Nghiên cứu cho thấy, nhiều NCT dành nhiều thời gian cho hoạt động lao động kiếm sống, điều này có nghĩa là họ còn bươn chải mưu sinh ở độ tuổi lẽ ra được dành nhiều thời gian để thụ hưởng cả đời sống vật chất lẫn tinh thần. Vì thế, cần tăng cường vận động nhóm dân số trẻ đang ở độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội để chuẩn bị một cuộc sống an nhàn cho tuổi già. Đồng thời, cần khuyến khích, vận động người già tham gia các dịch vụ bảo hiểm y tế tự

nguyện để hạn chế rủi ro và giảm gánh nặng cho nhà nước. Thành phố cần có chiến lược phát triển nguồn nhân lực để cải thiện vốn con người vì cải thiện vốn con người, đặc biệt là trình độ học vấn và sức khỏe, là chìa khóa vàng để dân số trong độ tuổi lao động có nhiều cơ hội việc làm, tích lũy tài chính để chuẩn bị cho tuổi già sung túc và khỏe mạnh.

Thứ hai, giải quyết việc làm cho NCT phù hợp sức khỏe, tuổi tác và giới tính. Nghiên cứu phát hiện rằng, hoạt động sinh kế tự buôn bán/kinh doanh là một

trong những hoạt động sinh kế phù hợp với tuổi tác và sức khỏe của NCT ở thành phố Cần Thơ. Do đó, Thành phố nên có những chương trình hỗ trợ sinh kế buôn bán phù hợp sức khỏe, tuổi tác, giới tính của NCT để giúp họ vừa làm chủ được tài chính, vừa giảm được thời gian vận động nhiều, từ đó làm tăng chất lượng cuộc sống của NCT. Đồng thời, điều này cũng phát huy vai trò của NCT trong phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và xóa bỏ định kiến xã hội đối với tuổi già. Các chính sách hỗ trợ NCT cần chú ý đến yếu tố giới và tuổi tác. □

CHÚ THÍCH

(1) Theo Quỹ Dân số Liên Hợp quốc (UNFPA) người cao tuổi là những người có độ tuổi từ 60 trở lên (UNFPA, 2011). Luật Người cao tuổi Việt Nam quy định người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên, đối với cả nam và nữ (Quốc hội, 2009).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Đại diện Hội Người cao tuổi thành phố Cần Thơ. 2020. *Thống kê công tác phát huy vai trò người cao tuổi năm 2020*.
2. Bế Quỳnh Nga. 2001. "Người cao tuổi ở miền Trung và Nam Bộ Việt Nam năm 2000-phác thảo từ một số nghiên cứu định tính". *Tạp chí Xã hội học*, số 3(73), tr. 28-39.
3. Đặng Thanh Nhân. 2020. "Sự khác biệt giới trong tham gia hoạt động kinh tế của người cao tuổi". *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 4, tr. 42-53.
4. De grazia, Sebastian. 1962. *Of Time, Work and Leisure*. New York: Twentieth Century Fund.
5. Diener, E., Emmons, R.A., Larsen, R.J. and Griffin, S. 1985. "The Satisfaction with Life Scale". *Journal of Personality Assessment*, 49, pp. 71-75.
6. Dương Huy Lương. 2010. *Nghiên cứu chất lượng cuộc sống người cao tuổi và thử nghiệm giải pháp can thiệp ở huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương*. Luận án, Học viện Quân y.
7. Fricke, J. and Unsworth, C. 2001. "Time Use and Importance of Instrumental Activities of Daily Living". *Australian Occupational Therapy Journal* Vol 48, Issue 3, pp. 118-131.
8. Galay, K. 2007. *Patterns of Time Use and Happiness in Bhutan*. Institute of Developing Economic Japan External Trade Organization, No 2.

9. Gauthier, H.A. and Smeeding, M.T. 2000. "Patterns of Time Use of People Age 55 to 64 Years Old: Some Cross-National Comparisons". *Aging Studies Program Paper*, No 20.
10. Gauthier, A.H. and Smeeding, T.M. 2003. "Time Use at Older Ages: Cross-National Differences". *Research on Aging*, 25(3), pp. 247-274.
11. Government Office for Science. 2016. *Future of an Ageing Population*. London.
12. Grapsa, E. and Posel, D. 2016. "Sequencing the Real Time of the Elderly: Evidence from South Africa". *Demographic Research*, Vol 35, Article 25, pp. 711-744.
13. Guathier, H.A. and Smeeding, T.M. 2010. "Historical Trends in the Patterns of Time Use Older Adults". *Ageing in Advanced Industrial State International Studies in Population*, Vol 8, pp. 289-310.
14. Hill, S.H. 1985. *"Patterns of Time Use", Time, Goods and Well-Being*. Institute for Social Research, University of Michigan.
15. Horgas, L.A., Wilms, U.H. and Baltes, M.M. 1998. "Daily Life in Very Old Age: Everyday Activities as Expression of Successful Living". *The Gerontological Society of America*, Vol 38, No 5, pp. 556-568.
16. <https://www.encyclopedia.com/social-sciences/applied-and-social-sciences-magazines/time-budgets>, Truy cập ngày 15/3/2021.
17. Kent, K.R and Stewart, J. 2007. "How do Older American Spend their Time? Time Use Studies: Older Americans". *Monthly Labor Review*, May 2007.
18. Mckinnon, L.A., 1992. "Time Use For Self - Care, Productivity and Leisure Among Elderly Canadians". *CJOT*, Vol 38, No2, pp. 102-109.
19. Moss, M. & Lawton, M.P. 1982. "Time Budgets of Older People: a Window on Four Life Styles". *Journal of Gerontology*, 37, pp. 115-123.
20. Ngân hàng Thế giới. 2016. *Hướng tới cuộc sống khỏe mạnh và năng động cho người cao tuổi ở Việt Nam*. Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, Hà Nội.
21. Nguyễn Trung Hải. 2020. *Chân dung xã hội của người cao tuổi có việc làm tại Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội*. Luận án, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
22. Peikkola, H., 2004. "Demographic Aspects of Ageing and Time Use in a Set of European Countries". ETLA Discussion Papers, No 899. The research Institute of the Finnish Economy (ETLA), Heisink.
23. Phan Thuận. 2020a. *Ảnh hưởng của già hóa dân số đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Báo cáo đề tài, Học viện Chính trị khu vực IV. Cần Thơ.
24. Phan Thuận. 2020b. "Đời sống xã hội của người cao tuổi ở Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh già hóa dân số từ góc độ giới". *Tạp chí Dân số và Phát triển*, số 4, tr. 23-38.
25. Punyakaew, A., Lersilp, S. and Putthinoi, S. 2019. "Active Ageing Level and Time Use of Elderly Persons in a Thai Suburban Community", *Occupational Therapy International* 2019(2), pp. 1-8.
26. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2009. *Luật Người cao tuổi*. Hà Nội.

27. Szalai, A., Converse, P., Feldheim, P., Schuch, F. & Stone, P. 1972. *The Use of Time*. The Hague: Mouton.
28. Tổng cục Thống kê. 2020. *Kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
29. Trần Thị Minh Thi và Nguyễn Hà Đông. 2020. “Tham gia hoạt động kinh tế của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 4, tr. 3-15.
30. UNFPA. 2011. *Già hóa dân số và người cao tuổi Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị*. Hà Nội.
31. VNCA và UNFPA. 2019. *Hướng tới chính sách quốc gia toàn diện thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam* (bản dịch). Hà Nội.
32. Ziqi Zhang and Zhi Qiu. 2020. “Exploring Daily Activity Patterns on the Typical Day of Older Adults for Supporting Aging-in-Place in China’s Rural Environment”. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 17(22): p. 8416.